

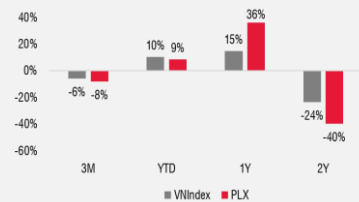
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex, PLX: HOSE)

Ngày báo cáo: 21/11/2023
NGÀNH: DẦU KHÍ
PGĐ PTC: Đào Minh Châu, CFA
Email: chaudm@ssi.com.vn
SĐT: +84-28 3636 3688 ext. 3052

Khuyến nghị: **KHẢ QUAN**
Giá mục tiêu 1Y: **40.800 Đồng**
Giá CP ngày 21/11/2023: 33.800 Đồng
% Tăng giá: **+20,7%**

Giá trị vốn hoá (triệu USD): 1.750
Giá trị vốn hoá (tỷ đồng): 42.565
Số cổ phiếu lưu hành (triệu): 1.271
KLGD trung bình 3 tháng (cp): 1.009.767
Giá cao/thấp nhất 52T (VNĐ): 41,8/24,67
GTGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng): 37,2
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%): 16,91
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%): 75,87

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

Được thành lập vào năm 1956, Petrolimex là nhà nhập khẩu và phân phối xăng dầu lớn nhất và lâu đời nhất tại Việt Nam với khoảng 50% thị phần. Công ty đã IPO vào năm 2012 với vốn điều lệ là 10.700 tỷ đồng. Kể từ đó, PLX đã bán khoảng 169 triệu cổ phiếu (~13,8% cổ phần) cho đối tác chiến lược là Tập đoàn ENEOS – công ty bán lẻ xăng dầu lớn nhất Nhật Bản với khoảng 50% thị phần.

Tăng trưởng lợi nhuận cao trong Q3/2023 nhờ thu nhập bất thường từ thoái PGB mặc dù dự phòng hàng tồn kho khá đáng kể

Trong Q3/2023, PLX ghi nhận LNTT đạt 1,18 nghìn tỷ đồng (tăng 277% svck và 14,6% so với quý trước). Lũy kế 9 tháng đầu năm 2023, LNTT đạt 3,08 nghìn tỷ đồng (tăng 402% svck), hoàn thành 95% kế hoạch cả năm của công ty. Sản lượng tiêu thụ xăng dầu của PLX được duy trì tốt ở mức 2,6 triệu m³, tăng 3,2% svck, trong đó kênh bán lẻ đạt 1,7 triệu m³ (tăng 4,9% svck). Lợi nhuận từ mảng xăng dầu đi ngang so với quý trước ở mức 483 tỷ đồng, nhưng đã cải thiện đáng kể so với mức lỗ 199 tỷ đồng trong Q3/2022. Tuy nhiên, chúng tôi lưu ý rằng **công ty mẹ đã trích lập chi phí dự phòng tồn kho 777 tỷ đồng trong quý** do giá dầu điều chỉnh, và khoản này có thể được hoàn nhập trong các quý tới nếu giá dầu ổn định trở lại.

Mặt khác, PLX đã hoàn tất việc thoái vốn khỏi PGB, nhờ vậy ghi nhận khoản thu nhập tài chính là 645 tỷ đồng trong Q3/2023 chủ yếu từ thương vụ này và phù hợp với ước tính của chúng tôi.

Chúng tôi điều chỉnh dự báo doanh thu và LNTT năm 2023 từ 282 nghìn tỷ đồng và 4,84 nghìn tỷ đồng xuống lần lượt là 276 nghìn tỷ đồng (giảm 9,2% svck) và 4,58 nghìn tỷ đồng (tăng 102% svck). Trong năm 2024, chúng tôi kỳ vọng mặc dù sản lượng tiêu thụ xăng dầu có thể đạt mức tăng trưởng tự nhiên là 4% svck, LNTT có thể giảm xuống 4,4 nghìn tỷ đồng, giảm 4,3% so với mức nền cao trong năm 2023 do không còn thu nhập bất thường từ việc thoái vốn khỏi PGB. Chúng tôi kỳ vọng biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của PLX sẽ cải thiện trong quý 4 nhờ khả năng hoàn nhập một phần chi phí dự phòng hàng tồn kho đã được trích lập trong quý 3 nếu giá dầu vẫn duy trì ở mức hiện tại.

Chúng tôi duy trì khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu PLX nhưng hạ giá mục tiêu 1 năm xuống **40.800 đồng/cp** (từ 45.000 đồng/cổ phiếu) dựa trên P/E mục tiêu là 16x (từ 18x theo trước đó) do định giá thị trường thấp hơn. Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận chậm lại trong quý 4 và năm 2024 so với mức cơ bản cao được thiết lập trong Q4/2022 và năm 2023 có thể gây áp lực lên giá cổ phiếu. Tuy nhiên, mức định giá hấp dẫn hơn, sản lượng tiêu thụ xăng dầu ổn định và khả năng hoàn nhập chi phí dự phòng hàng tồn kho sẽ là các yếu tố hỗ trợ giá cổ phiếu trong thời gian tới.

Cập nhật KQKD Q3/2023

(tỷ đồng)	3Q23	3Q22	YoY	2Q23	QoQ	% hoàn thành kê hoạch năm	Biên lợi nhuận			
							3Q23	3Q22	2Q23	2022
Doanh thu thuần	72.414	73.695	-1,7%	65.752	10,1%	108%				
Lợi nhuận gộp	3.780	2.803	34,8%	3.839	-1,5%		5,2%	3,8%	5,8%	4,1%
Lợi nhuận từ HĐKD	1.048	221	373,2%	922	13,6%		1,4%	0,3%	1,4%	0,6%
EBIT	1.406	467	201,1%	1.260	11,6%		1,9%	0,6%	1,9%	1,0%
EBITDA	1.893	960	97,3%	1.788	5,9%		2,6%	1,3%	2,7%	1,7%
LNTT	1.180	313	277,1%	1.030	14,6%	94%	1,6%	0,4%	1,6%	0,7%
Lợi nhuận ròng	729	190	284,3%	850	-14,2%		1,0%	0,3%	1,3%	0,6%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	738	99	646,0%	774	-4,6%		1,0%	0,1%	1,2%	0,5%

Nguồn: PLX, SSI Research

Cơ cấu LNTT	3Q22	3Q23	svck	9T22	9T23	svck
Xăng dầu	-199	483	343%	-793	1362,2	272%
Nhiên liệu bay	160	-77	-148%	251	55,6	-78%
Hóa dầu	137	140	2%	507	418,8	-17%
LPG	40	31	-22%	119	110,2	-8%
Vận tải	73	54	-27%	117	239,7	106%
Khác	110	549	399%	414	895,5	116%
Tổng cộng	322	1.180	267%	614	3.082	402%

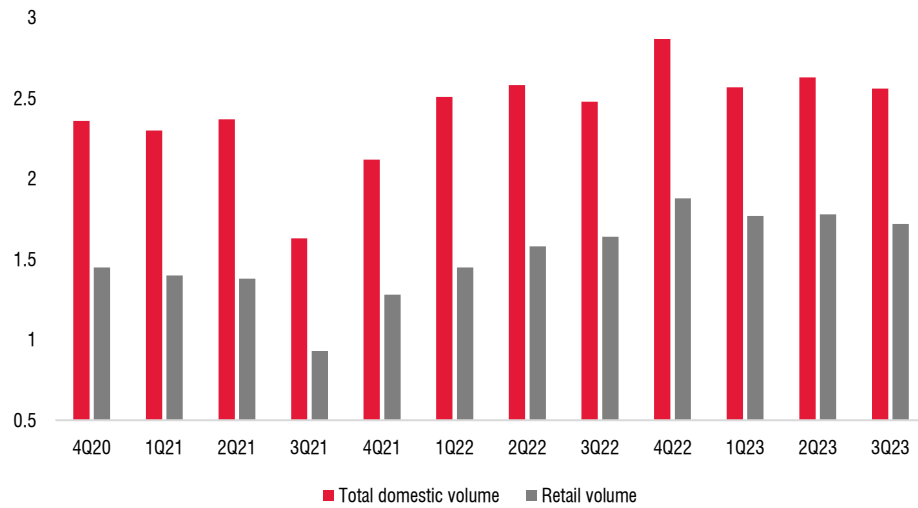
Nguồn: PLX, SSI Research

Trong Q3/2023, công ty ghi nhận LNTT đạt 1,18 nghìn tỷ đồng (tăng 277% svck và 14,6% so với quý trước). Lũy kế 9 tháng đầu năm 2023, LNTT đạt 3,08 nghìn tỷ đồng (tăng 402% svck), hoàn thành 95% kế hoạch năm của công ty.

Mảng xăng dầu duy trì lợi nhuận ổn định mặc dù trích lập chi phí dự phòng hàng tồn kho tăng đáng kể trong quý: Sản lượng tiêu thụ xăng dầu của PLX được duy trì tốt ở mức 2,6 triệu m3, tăng 3,2% svck. Kênh bán lẻ đạt 1,7 triệu m3 (tăng 4,9% svck). Lũy kế 9 tháng đầu năm 2023, tổng sản lượng tiêu thụ của PLX tăng 2,5% svck đạt 7,8 triệu, khá phù hợp với mức tăng trưởng nhu cầu xăng dầu trong nước (chúng tôi ước tính nhu cầu xăng dầu trong nước tăng hơn 2% svck). Theo ước tính của chúng tôi, công ty đã duy trì thị phần dẫn đầu khoảng 45,4% trong 9 tháng đầu năm 2023.

Tuy nhiên, điều đáng chú ý là sản lượng bán lẻ của công ty trong 9 tháng đầu năm 2023 đạt mức tăng trưởng cao hơn nhiều là 12,8% svck, đạt 5,3 triệu m3, tương đương 67,9% tổng sản lượng tiêu thụ của công ty trong 9 tháng đầu năm 2023 so với mức 61,7% trong 9 tháng đầu năm 2022. PLX đã mở thêm 50 cửa hàng xăng dầu mới trong 10T2023, tương đương khoảng 3,5% số trạm tại thời điểm cuối năm 2022. Hệ thống bán lẻ của PLX cũng đã chiếm được nhiều thị phần hơn khi nhiều điểm bán lẻ tư nhân phải đóng cửa trong năm 2022. (Mức tăng trưởng về sản lượng bán lẻ trong Q3/2023 là 4,9% có phần thu hẹp so với mức tăng trưởng 17% trong Q1/2023 do mức nền cao được thiết lập trong Q3/2022).

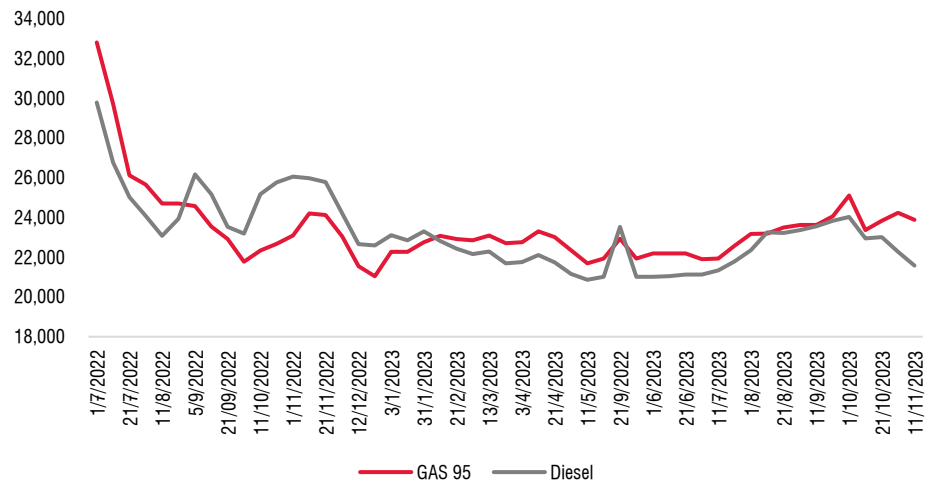
Sản lượng tiêu thụ xăng dầu của PLX theo quý (triệu tấn)



Nguồn: PLX

Lợi nhuận từ mảng xăng dầu đi ngang so với quý trước đạt 483 tỷ đồng, nhưng đã cải thiện đáng kể so với mức lỗ 199 tỷ đồng trong Q3/2022. Tuy nhiên, chúng tôi lưu ý rằng **công ty mẹ đã trích lập chi phí dự phòng hàng tồn kho 777 tỷ đồng trong quý** do giá dầu điều chỉnh, và khoản này có thể được hoàn nhập trong các quý tới nếu giá dầu ổn định trở lại.

Giá xăng dầu trong nước (đồng/lít)



Nguồn: SSI tổng hợp

Mảng **nhiên liệu bay** bất ngờ lỗ 77 tỷ đồng trong quý. Sản lượng tiêu thụ nhiên liệu bay tại Petrolimex Aviation (PA), công ty con của PLX phụ trách nhiên liệu máy bay tăng 21% svck. Số lượng hành khách tại VJC, một trong những khách hàng chủ chốt của PA tăng 5% svck, trong đó số lượng hành khách quốc tế tăng 127% svck. Vận tải hàng không tăng lên giúp sản lượng tiêu thụ nhiên liệu bay tăng cao hơn dự kiến, khiến PA phải mua

thêm nguồn đầu vào theo giá giao ngay, cao hơn giá hợp đồng kỳ hạn. Ngoài ra, kết quả kinh doanh của công ty con cũng bị ảnh hưởng bởi giá nhiên liệu bay giảm theo giá dầu trong quý.

Công ty ghi nhận lợi nhuận bất thường từ thương vụ PGB: PLX đã hoàn tất việc thoái vốn khỏi PGB và ghi nhận khoản thu nhập tài chính 645 tỷ đồng trong Q3/2023 chủ yếu từ thương vụ này, phù hợp với ước tính của chúng tôi. Số tiền thu được từ thương vụ này là 2,57 nghìn tỷ đồng cũng giúp PLX tăng thu nhập lãi 40% svck đạt 331 tỷ đồng trong quý 3, giúp bù đắp khoản thu nhập từ PGB. Tiền ròng của công ty tại thời điểm tháng 9 là 9,7 nghìn tỷ đồng, tăng 5,8 nghìn tỷ đồng so với đầu năm (+152%) và tiền ròng trên mỗi cổ phiếu là 7.637 đồng.

Tác động của Nghị định 80 đối với các nhà phân phối xăng dầu: Chính phủ vừa phê duyệt Nghị định 80 vào ngày 17/11/2023 sửa đổi Nghị định 95/2021 và Nghị định 83/2014 quy định về kinh doanh xăng dầu. Theo đó, **chu kỳ điều chỉnh giá xăng dầu sẽ thay đổi từ 10 ngày xuống 7 ngày**, khiến giá xăng dầu trong nước sẽ theo sát diễn biến giá thế giới.

Ngoài ra, các yếu tố khác trong công thức tính giá xăng dầu như **chi phí vận chuyển, chi phí/ lợi nhuận định mức, thuế và phí sẽ được điều chỉnh theo quý, thay vì 2 lần/năm như trước đây**. Điều này sẽ giúp giá xăng dầu phản ánh chi phí hoạt động của nhà phân phối kịp thời hơn, từ đó giúp nhà phân phối quản lý được biên lợi nhuận.

Mặt khác, cũng có sự thay đổi đáng chú ý ở Nghị định đó là cho phép các đại lý bán lẻ được mua hàng từ 3 thương nhân phân phối/dầu mỗi kinh doanh thay vì 1 thương nhân phân phối/dầu môi như trước đây. Đại lý bán lẻ là một thành phần trong hệ thống DODO của PLX, cùng với đại lý nhượng quyền. Hiện tại, chúng tôi ước tính toàn bộ kênh DODO hiện chiếm khoảng 16-17% lợi nhuận và 33% sản lượng tiêu thụ mảng xăng dầu của PLX.

Ước tính lợi nhuận

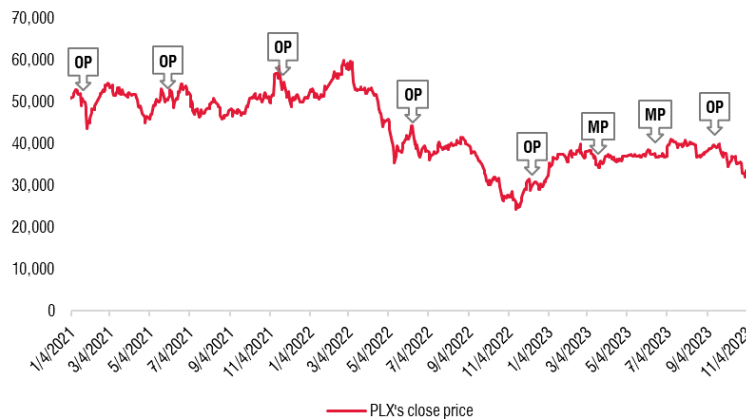
Chúng tôi điều chỉnh dự báo doanh thu và LNTT năm 2023 từ 282 nghìn tỷ đồng và 4,84 nghìn tỷ đồng xuống lần lượt là 276 nghìn tỷ đồng (giảm 9,2% svck) và 4,58 nghìn tỷ đồng (tăng 102% svck). Chúng tôi giả định sản lượng tiêu thụ trong năm 2023 sẽ đạt 10,56 triệu m3 (tăng 1% svck), trong đó sản lượng bán lẻ tăng 9% svck đạt 7,1 triệu m3. Chúng tôi ước tính biên lợi nhuận của mảng kinh doanh cốt lõi của PLX sẽ cải thiện trong quý 4 nhờ khả năng hoàn nhập một phần chi phí dự phòng hàng tồn kho đã được trích lập trong quý 3 nếu giá dầu vẫn duy trì ở mức hiện tại.

Trong năm 2024, chúng tôi kỳ vọng mặc dù sản lượng tiêu thụ xăng dầu có thể đạt mức tăng trưởng tự nhiên là 4% svck. LNTT có thể giảm xuống 4,4 nghìn tỷ đồng, giảm 4,3% so với mức nền cao trong năm 2023 do thu nhập bất thường từ việc thoái vốn khỏi PGB. Nếu loại trừ khoản thu nhập bất thường từ năm 2022, lợi nhuận cốt lõi có thể tăng 10% svck trong năm 2024 nhờ sản lượng tiêu thụ tốt hơn và chi phí dự phòng hàng tồn kho ít hơn năm 2023.

Luận điểm đầu tư

Chúng tôi duy trì khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu PLX nhưng hạ giá mục tiêu 1 năm xuống **40.800 đồng/cp** (từ 45.000 đồng/cổ phiếu) dựa trên P/E mục tiêu là 16x (từ 18x theo trước đó) do định giá thị trường thấp hơn. Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận chậm lại trong quý 4 và năm 2024 so với mức cơ bản cao được thiết lập trong Q4/2022 và năm 2023 có thể tạo áp lực lên giá cổ phiếu. Tuy nhiên, mức định giá hấp dẫn hơn, sản lượng tiêu thụ xăng dầu ổn định và hoàn nhập chi phí dự phòng hàng tồn kho sẽ là các yếu tố hỗ trợ giá cổ phiếu trong thời gian tới.

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2021	2022	2023F	2024F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	6.192	11.612	15.465	16.549
+ Đầu tư ngắn hạn	11.832	7.093	7.095	7.095
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	7.600	11.984	10.883	2.866
+ Hàng tồn kho	13.163	17.234	15.458	3.379
+ Tài sản ngắn hạn khác	2.517	1.555	1.408	362
Tổng tài sản ngắn hạn	41.304	49.477	50.309	30.251
+ Các khoản phải thu dài hạn	27	30	33	8
+ GTCL Tài sản cố định	14.779	14.284	13.855	13.338
+ Bất động sản đầu tư	128	121	114	107
+ Tài sản dài hạn dở dang	587	553	553	553
+ Đầu tư dài hạn	5.290	6.528	3.175	3.175
+ Tài sản dài hạn khác	2.677	2.818	2.520	610
Tổng tài sản dài hạn	23.488	24.334	20.249	17.790
Tổng tài sản	64.791	73.811	70.558	48.041
+ Nợ ngắn hạn	35.207	45.010	40.190	16.692
Trong đó: vay ngắn hạn	14.225	14.034	12.539	10.770
+ Nợ dài hạn	1.324	993	818	214
Trong đó: vay dài hạn	1.144	823	736	183
Tổng nợ phải trả	36.531	46.004	41.008	16.906
+ Vốn góp	12.939	12.939	12.939	12.939
+ Thặng dư vốn cổ phần	7.359	7.359	7.359	7.359
+ Lợi nhuận chưa phân phối	3.474	2.970	4.344	5.610
+ Quỹ khác	4.489	4.539	4.909	5.227
Vốn chủ sở hữu	28.260	27.807	29.550	31.135
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	64.791	73.811	70.558	48.041
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	-656	4.422	5.589	6.912
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-4.445	3.036	1.753	-1.600
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	686	-2.037	-3.489	-4.228
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-4.415	5.422	3.853	1.084
Tiền đầu kỳ	10.612	6.192	11.612	15.465
Tiền cuối kỳ	6.192	11.612	15.465	16.549
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,17	1,1	1,25	1,81
Hệ số thanh toán nhanh	0,73	0,68	0,83	1,59
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,51	0,42	0,56	1,42
Nợ ròng / EBITDA	1,1	1,23	0,07	-0,54
Khả năng thanh toán lãi vay	7,29	4,5	6,07	6,71
Ngày phải thu	15,5	11,1	14,1	8,2
Ngày phải trả	32,4	25	31,9	17,6
Ngày tồn kho	26,3	19	22,9	12,8
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,44	0,38	0,42	0,65
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,56	0,62	0,58	0,35
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,29	1,65	1,39	0,54
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,54	0,53	0,45	0,35
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,5	0,5	0,42	0,35

Nguồn: PLX, SS lược tính

Tỷ đồng	2021	2022	2023F	2024F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	169.009	304.080	276.179	285.188
Giá vốn hàng bán	-156.386	-291.758	-260.667	-269.243
Lợi nhuận gộp	12.623	12.322	15.512	15.946
Doanh thu hoạt động tài chính	1.000	1.932	2.582	2.093
Chi phí tài chính	-836	-1.690	-1.496	-1.376
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-9.073	-10.513	-11.876	-12.121
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-766	-824	-884	-856
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.517	1.927	4.438	4.236
Thu nhập khác	272	334	138	143
Lợi nhuận trước thuế	3.789	2.260	4.576	4.379
Lợi nhuận ròng	3.124	1.913	3.752	3.591
Lợi nhuận chia cho cổ đông	2.839	1.480	3.452	3.339
Lợi ích của cổ đông thiểu số	285	432	300	251
Chỉ số tài chính				
EPS cơ bản (VND)	2.194	1.144	2.635	2.549
Giá trị sổ sách (VND)	19.417	18.985	20.468	21.518
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	1.200	700	1.500	1.500
EBIT	4.392	2.907	5.479	5.146
EBITDA	6.640	5.030	7.515	7.269
Tăng trưởng				
Doanh thu	36,4%	79,9%	-9,2%	3,3%
EBITDA	55,8%	-24,2%	49,4%	-3,3%
EBIT	107,6%	-33,8%	88,5%	-6,1%
Lợi nhuận ròng	149,4%	-38,8%	96,2%	-4,3%
Vốn chủ sở hữu	17,1%	-1,6%	6,3%	5,4%
Vốn điều lệ	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	6,0%	13,9%	-4,4%	-31,9%
Định giá				
PE	24,6	27,7	12,8	13,2
PB	2,8	1,7	1,6	1,6
Giá/Doanh thu	0,4	0,1	0,2	0,15
Tỷ suất cổ tức	2,2%	2,2%	4,4%	4,4%
EV/EBITDA	10,1	7,4	5,4	5,6
EV/Doanh thu	0,4	0,1	0,1	0,1
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	7,5%	4,1%	5,6%	5,6%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	2,0%	0,6%	1,6%	1,3%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	1,8%	0,6%	1,4%	1,3%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	5,4%	3,5%	4,3%	4,3%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	0,5%	0,3%	0,3%	0,3%
ROE	11,9%	6,8%	13,1%	11,8%
ROA	5,0%	2,8%	5,2%	6,1%
ROIC	8,6%	5,7%	10,5%	9,9%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Tài liệu này chỉ được lưu hành nội bộ và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Ví mô

Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trưởng

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích Ví mô

trinhhtt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

Phân tích Định lượng

Lê Huyền Trang

Chuyên viên cao cấp Phân tích dữ liệu

tranglh1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321

Nguyễn Bùi Minh Châu

Chuyên viên Phân tích dữ liệu

chaunbm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8706

Phân tích Ngành Dầu khí

Đào Minh Châu, CFA

Phó Giám đốc Phân tích Cổ phiếu

chaudm@ssi.com.vn

Tel: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3052

Dữ liệu

Lương Thị Việt

Chuyên viên cao cấp hỗ trợ

vietlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8714

Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ

tanntk@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8702

Chiến lược thị trường

Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư

nganlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

Nguyễn Quốc Bảo

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư

baonq1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3059

Hồ Hữu Tuấn Hiếu, CFA

Chuyên gia Chiến lược đầu tư

hieuhht1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8704

Trần Thị Bảo Châu

Chuyên viên Chiến lược đầu tư

chauttb@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3043